

Áp dụng hóa đơn điện tử

Kinh nghiệm quốc tế, một số gợi ý cho Việt Nam

Quá trình áp dụng hoá đơn điện tử trên thế giới ngày càng được hoàn thiện, mang lại tiện ích cho người sử dụng. Các quốc gia đang nỗ lực áp dụng rộng rãi hóa đơn điện tử trên tất cả các loại hình và quy mô doanh nghiệp nhằm cải thiện việc tuân thủ thuế và thúc đẩy thu ngân sách có hiệu quả hơn, đồng thời tiết kiệm chi phí cho các doanh nghiệp.

1. Phạm vi, đối tượng và điều kiện áp dụng

Hầu hết các quốc gia triển khai hóa đơn điện tử nhằm phát triển thương mại điện tử. Đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử chủ yếu là các doanh nghiệp, người bán hàng hóa, dịch vụ và các nhà cung cấp. Việc lập hóa đơn điện tử được áp dụng cho các đối tượng giao dịch B2G (doanh nghiệp và chính phủ), B2B (doanh nghiệp với doanh nghiệp), B2C (doanh nghiệp và khách hàng cá nhân)...

Tại châu Âu, hóa đơn điện tử được sử dụng phổ biến ở các doanh nghiệp lớn. Mức độ triển khai hóa đơn điện tử tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tương đối thấp, mặc dù số lượng DNNVV chiếm tỷ lệ lớn (trên 90%). Các quốc gia sớm triển khai hóa đơn điện tử là Đan Mạch, Phần Lan, Na Uy, Thụy Điển, Slovakia, Áo, Thụy Sĩ, Ý và Tây Ban Nha. Đầu năm 2002, Ủy ban châu Âu (EC) xác định việc lập hóa đơn điện tử là một cơ hội và đưa nó trở thành một phần của Kế hoạch hành động châu Âu điện tử năm 2005. Năm 2014, Liên minh châu Âu (EU) đã ban hành một số chỉ thị¹ quy định chính quyền hành chính ở tất cả 28 quốc gia thành viên của EU sử dụng hóa đơn điện tử B2G vào năm 2018. Quy định này hiện đang được xây dựng cùng với Dự án Tiêu chuẩn châu Âu số 434 (CEN/PC 434).

Tại Anh, hóa đơn điện tử được áp dụng tại các doanh nghiệp lớn, DNNVV. Các doanh nghiệp được khuyến khích sử dụng hóa đơn điện tử gồm: doanh nghiệp xuất khẩu vừa và nhỏ, doanh nghiệp kinh doanh trực tuyến, kinh doanh thương mại, doanh nghiệp có doanh số bán hàng khá cao (trong các lĩnh vực sản xuất, xây dựng, giao thông vận tải và viễn thông và kinh doanh dịch vụ).

¹ Chỉ thị số 2014/24/EU hướng dẫn các nước thành viên thực hiện hóa đơn điện tử B2G và đưa vào luật quốc gia trước năm 2016. Chỉ thị số 2014/55/EU hướng dẫn các cơ quan hành chính công chấp nhận hóa đơn điện tử vào năm 2018.

Tại châu Phi, phần lớn các quốc gia đang trong giai đoạn đầu áp dụng hóa đơn điện tử nên đối tượng áp dụng chủ yếu vẫn là các doanh nghiệp lớn. Châu Á - Thái Bình Dương đang trong các giai đoạn khác nhau của việc áp dụng hóa đơn điện tử nhằm tạo điều kiện cho việc tuân thủ thuế và cải thiện số thu thuế. Singapore đã đưa ra quy định bắt buộc áp dụng hóa đơn điện tử B2G từ năm 2008 đối với các nhà cung cấp². Hàn Quốc áp dụng toàn bộ hóa đơn điện tử đối với B2G và B2B vào năm 2010. Đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử là doanh nghiệp và cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trước liền kề từ 300 triệu KRW (tương đương 6 tỷ đồng) trở lên. Riêng các doanh nghiệp độc quyền có thể sử dụng hóa đơn giấy hoặc hóa đơn thuế điện tử.

Năm 2008, Cơ quan Thuế Hàn Quốc thiết lập tổ công tác nghiên cứu triển khai hóa đơn điện tử. Năm 2010, hệ thống e-Invoice được triển khai, thu hút khoảng 70% doanh nghiệp tự nguyện tham gia. Năm 2011, các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân bắt buộc phải tham gia e-Invoice. Cơ quan thuế có nhiều biện pháp để hỗ trợ doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận hóa đơn thuế điện tử như tuyên truyền, tập huấn.

² <http://sbr.com.sg/financial-services/commentary/e-invoicing-in-singapore-set-rise-in-2015>.

Tháng 01/2012, cá nhân kinh doanh có doanh thu lớn hơn 1 triệu KRW/năm bắt buộc phải phát hành hóa đơn thuế điện tử. Việc xác định doanh thu dựa vào thu nhập năm liền trước. Đến năm 2014, Hàn Quốc mở rộng việc bắt buộc phát hành hóa đơn thuế điện tử tới cá nhân có doanh thu lớn hơn 300.000 KRW/năm).

Tại Đài Loan, đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử là các cơ sở kinh doanh đáp ứng được các điều kiện: (i) Không còn nợ thuế, không bị phạt thuế và trong 2 năm có giấy chứng nhận kê khai thuế màu xanh; (ii) Năm được thông tin của người mua hàng cá nhân (iii) Đảm bảo có thiết bị kết nối mạng internet và có đủ khả năng lưu giữ các hoá đơn điện tử; (iv) Được Bộ Kinh tế cấp chữ ký điện tử và con dấu điện tử; (v) Phải sử dụng mạng internet để truyền dữ liệu điện tử; (vi) Vốn đạt 500 tỷ, doanh thu đạt 500 triệu đô la Đài Loan.

Indonesia³ triển khai hóa đơn điện tử bắt buộc đối với toàn bộ các doanh nghiệp chịu thuế trên toàn quốc từ ngày 01/7/2016 nhằm tránh việc làm giả hóa đơn vì việc mã hóa cho hóa đơn chịu thuế phải trải qua giai đoạn xác nhận nghiêm ngặt. Các doanh nghiệp cài đặt ứng dụng do Tổng cục Thuế cung cấp và nhận “chứng chỉ điện tử”. Kể từ tháng 7/2015, Tổng cục Thuế yêu cầu các doanh nghiệp trong khu vực Java và Bali sử dụng hóa đơn điện tử nhằm giảm việc sử dụng hóa đơn giả mạo, giúp tăng số thu thuế giá trị gia tăng (GTGT).

³ <http://eeiplatform.com/17298/indonesia-mandatory-e-invoicing-for-all-taxable-enterprises-as-from-1-july-2016/>.

Tại Trung Quốc⁴, hóa đơn điện tử dạng giấy xanh (Chinese E-invoicing Blue Paper) bắt đầu thực hiện từ tháng 6/2011, đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình sử dụng hóa đơn điện tử. Tháng 5/2012, Ủy ban Cải cách và Phát triển quốc gia thông báo chương trình thí điểm triển khai hóa đơn điện tử ở 5 thành phố (Trùng Khánh, Nam Ninh, Hàng Châu, Thẩm quyền và Thanh Đảo). Việc áp dụng hóa đơn điện tử trên diện rộng được bắt đầu từ ngày 01/4/2013.

2. Các giai đoạn phát triển của hóa đơn điện tử

Giai đoạn 1: Truyền - nhận hóa đơn điện tử trực tiếp từ người bán đến người mua (B2C) qua portal, e-mail.

Giai đoạn 2: Truyền - nhận hóa đơn điện tử qua cùng một tổ chức trung gian cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử - B2C Consolidator (giữa doanh nghiệp và cá nhân qua tổ chức trung gian). Theo đó, nhiều người bán sử dụng chung một tổ chức trung gian cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử; người mua chỉ phải vào một cổng thông tin duy nhất để nhận và thanh toán hóa đơn.

Giai đoạn 3: Liên thông giữa hệ thống quản lý hóa đơn điện tử của người bán và người mua - B2B và B2G. Theo đó, hóa đơn được gửi, nhận và truyền thẳng vào hệ thống quản lý

⁴ Rong Wu (2013), *An Overview of E-invoicing in China and the Factors Affecting Individual's Intention to B2C E-invoicing Adoption*.

tài chính của người mua; cho phép xử lý hóa đơn với số lượng lớn. Phương thức này không phù hợp với các DNNVV do chi phí đầu tư ban đầu lớn. Giải pháp đưa ra là dùng dịch vụ do các tổ chức trung gian có khả năng liên thông hóa đơn với nhau.

Giai đoạn 4: Áp dụng rộng rãi hóa đơn điện tử và tiến tới xóa bỏ hoàn toàn hóa đơn giấy với mọi đối tượng doanh nghiệp và trong mọi lĩnh vực cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

3. Phương thức và điều kiện đảm bảo triển khai hóa đơn điện tử

Ở Hàn Quốc, việc lập hóa đơn điện tử được thực hiện theo 3 cách: (i) Lập trên hệ thống HomeTax, Mobile HomeTax của cơ quan thuế: Người nộp thuế được miễn chi phí lập hóa đơn điện tử và không cần đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin. Khoảng 30% doanh nghiệp lựa chọn hình thức lập hóa đơn điện tử theo dạng trên đều là các doanh nghiệp nhỏ, số lượng hóa đơn xuất trong tháng không nhiều và khi lập hóa đơn trên hệ thống HomeTax, thông tin hóa đơn được tự động gửi tới cơ quan thuế ngay khi người nộp thuế phát hành hóa đơn.

(ii) Lập hóa đơn bằng cách gọi điện thoại tới tổng đài của cơ quan thuế và làm theo hướng dẫn (ARS). Tính hợp lệ của người bán được chứng minh bằng cách nhập thông tin trên thẻ bảo mật. Cơ quan thuế hỗ trợ người nộp thuế lập hóa đơn nếu họ không có kỹ năng về công nghệ thông tin.

(iii) Lập hóa đơn trên hệ thống phần mềm kế toán (ERP) hoặc hệ thống của nhà cung cấp dịch vụ (ASP): Người nộp thuế có thể hiệu chỉnh hệ thống ERP của mình hoặc sử dụng

hệ thống của ASP để phát hành hóa đơn thuế điện tử. Hệ thống ERP và ASP phải tuân thủ chuẩn dữ liệu hóa đơn thuế điện tử và chuẩn kết nối do cơ quan thuế ban hành. Doanh nghiệp ASP phải gửi hóa đơn đã được phát hành tới cơ quan thuế sau 1 ngày.

Hóa đơn thuế điện tử được chuyển theo 6 hình thức: (1) HomeTax (trang web của cơ quan thuế), chủ yếu áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ với số lượng hóa đơn không nhiều; hóa đơn thuế điện tử được gửi đi tức thì và miễn phí. (2) ASP: Áp dụng chủ yếu đối với các doanh nghiệp lớn với số lượng lớn hóa đơn điện tử thuế, người nộp thuế phải trả phí sử dụng. (3) ERP; (4) Mobile Hometax: Ứng dụng trên điện thoại di động do cơ quan thuế cung cấp; (5) ARS: Chuyển hóa đơn thông qua hệ thống tổng đài của cơ quan thuế. Hình thức này áp dụng trong môi trường hạn chế về internet. (6) Đến cơ quan thuế để phát hành hóa đơn thuế điện tử khi người nộp thuế không đủ trình độ về công nghệ thông tin để lập hóa đơn.

Hóa đơn thuế điện tử sau khi được lập sẽ chuyển trực tiếp tới cơ quan thuế hoặc chuyển qua các ASP để nhận số hóa đơn. ASP được cơ quan thuế ủy quyền để cấp số hóa đơn. Do Hàn Quốc không áp dụng kiểm tra hàng hóa trên đường nên cũng không tính đến việc chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để thực hiện cho hàng hóa vận chuyển trên đường.

Người bán, người mua có thể vào trang HomeTax để tra cứu thông tin về hóa đơn. Cơ quan thuế là đơn vị có trách

nhiệm lưu trữ hóa đơn của doanh nghiệp và là đơn vị cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý nhà nước khác.

Người bán phải ký điện tử trên hóa đơn trước khi gửi cho cơ quan thuế hoặc ASP để nhận số hóa đơn. Nếu người bán không có chữ ký điện tử, cơ quan thuế sẽ cấp miễn phí thẻ bảo mật để thay thế.

Cơ quan thuế nhận được thông tin hóa đơn của người bán và gửi đến người mua để xác nhận. Nếu người mua không nhận được hóa đơn thuế điện tử, có thể mang các giấy tờ chứng minh giao dịch tới cơ quan thuế để khiếu nại và được khấu trừ thuế. Khi hóa đơn sai sót thì người bán lập hóa đơn với số tiền âm bằng đúng với số tiền trên hóa đơn bị sai sót sau đó lập một hóa đơn mới để thay thế cho hóa đơn điều chỉnh. Cơ quan thuế có trách nhiệm lưu trữ hóa đơn và gửi dữ liệu về hóa đơn điện tử tới hệ thống thuế quốc gia.

ASP được phép thu phí của doanh nghiệp khi xuất hóa đơn thuế điện tử và phải đảm bảo bảo mật thông tin phát hành hóa đơn cho người nộp thuế. Nếu hóa đơn điện tử gửi tới cơ quan thuế bị lỗi (sai định dạng, chưa đăng ký kinh doanh, sai chữ ký số, lỗi chuyển giao dịch...) sẽ được xác định là chưa lập hóa đơn. Cơ quan thuế có thể thu hồi giấy phép của ASP nếu xảy ra 1 trong 3 trường hợp sau: Hơn 10% số hóa đơn chuyển tới cơ quan thuế bị lỗi; các đơn vị thường xuyên gửi chậm hóa đơn thuế điện tử cho cơ quan thuế; các đơn vị không phối hợp với cơ quan thuế trong việc điều tra các gian lận về thuế.

Đài Loan thực hiện chế độ hóa đơn thống nhất từ năm 1951, áp dụng thí điểm hóa đơn điện tử năm 2000 và áp dụng

rộng rãi từ năm 2006 với mục tiêu nâng cao hiệu quả cạnh tranh của doanh nghiệp; xây dựng môi trường giao dịch hoá đơn điện tử lành mạnh và tiết kiệm chi phí của doanh nghiệp và xã hội. Từ năm 2007, Bộ Tài chính Đà Loan giao cho Trung tâm Dữ liệu tài chính (FDC) thuộc Bộ Tài chính xây dựng hệ thống giao dịch hoá đơn điện tử. Trung tâm này thực hiện các việc: (i) Xây dựng cơ sở dữ liệu lưu trữ thông tin hoá đơn điện tử. (ii) Xây dựng hệ thống mạng kết nối từ FDC tới các doanh nghiệp hoặc các cơ sở làm dịch vụ hóa đơn điện tử (VAN); các cơ quan chính phủ, cơ quan quản lý nhà nước. VAN là trung gian giữa người khai báo qua mạng và hệ thống tại cơ quan thuế. Mọi thông tin của người nộp thuế khai báo qua mạng sẽ được lưu tại cơ sở dữ liệu của VAN và chuyển ngay về cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế. VAN hỗ trợ việc giao dịch điện tử, xử lý các hóa đơn điện tử và giao dịch với các ngân hàng, giúp việc thanh toán nhanh gọn và thuận lợi đối với người nộp thuế. (iii) Xây dựng ứng dụng (dạng web) để kết nối và trao đổi thông tin với các doanh nghiệp, đảm bảo thông tin hoá đơn từ doanh nghiệp chính xác và đúng quy định thống nhất về hoá đơn. Các trang web có thể do doanh nghiệp tự xây dựng nếu có đủ điều kiện nhưng ứng dụng lõi do trung tâm cơ sở dữ liệu cung cấp thống nhất. (iv) Xây dựng các ứng dụng tra cứu thông tin hoá đơn từ cơ sở dữ liệu cho các đối tượng có nhu cầu và có quyền tra cứu. (v) Cơ sở kinh doanh lập hoá đơn trên máy tính, gửi hoá đơn đến trung tâm cơ sở dữ liệu thay vì nộp đến cơ quan thuế. (vi) Trung tâm cơ sở dữ liệu cung cấp dịch

vụ thu thập, lưu trữ hoá đơn điện tử có thu phí và cho tra cứu khai thác thông tin miễn phí.

4. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Nghiên cứu kinh nghiệm một số nước trên thế giới trong việc triển khai hóa đơn điện tử có thể rút ra những kinh nghiệm để triển khai hóa đơn điện tử tại Việt Nam như sau:

(1) Xác định rõ phạm vi và đối tượng áp dụng triển khai hóa đơn điện tử, bước đầu lựa chọn đối tượng triển khai thí điểm hóa đơn điện tử, phân loại, lựa chọn loại hình doanh nghiệp, các lĩnh vực kinh doanh để áp dụng hóa đơn điện tử.

(2) Tích cực tuyên truyền về hóa đơn điện tử trên các phương tiện thông tin đại chúng về tính pháp lý và lợi ích của hoá đơn điện tử nhằm thay đổi nhận thức thói quen e ngại của người dân, doanh nghiệp đối với hóa đơn điện tử. Khuyến khích sử dụng hóa đơn điện tử và có các giải pháp hỗ trợ đối với các doanh nghiệp áp dụng hóa đơn điện tử.

(3) Đưa ra các chế tài xử phạt phù hợp với các đối tượng không tuân thủ pháp luật về hóa đơn điện tử.

ThS. Phạm Thị Thu Hồng

ThS. Hoàng Như Quỳnh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <http://sbr.com.sg/financial-services/commentary/e-invoicing-in-singapore-set-rise-in-2015>.
2. <http://eeiplatform.com/17298/indonesia-mandatory-e-invoicing-for-all-taxable-enterprises-as-from-1-july-2016/>.
3. Federal Reserve Bank of Minneapolis (2016), *U.S. Adoption of Electronic Invoicing: Challenges and Opportunities*.
4. Rong Wu (2013), *An Overview of E-invoicing in China and the Factors Affecting Individual's Intention to B2C E-invoicing Adoption*.